

Mẫu số 19.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 590 /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày 04 tháng 9 năm 2025

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 01 HỒ SƠ CHUNG CƯ LÔ BC, PHƯỜNG TAM BÌNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Thuế cơ sở 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

- 1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính: H29.14.10-250821-14236
1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: ngày 21 tháng 8 năm 2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT:.

- 2.1. Tên: Ông(bà) **LÊ THỊ NẴNG – NGUYỄN LÊ THỤY THU ĐÔNG – NGUYỄN LÊ DUY – PHẠM NGUYỄN BẢO KHANG (đồng sở hữu)**
2.2. Địa chỉ: 129 Thuyền, khu phố Hiệp Bình, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.
2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):
2.4. Mã số thuế (nếu có):
2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:
2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất

- 3.1.1. Thửa đất số: 350; Tờ bản đồ số: 100 (số tờ cũ: 108), phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức.
Nay là Thửa đất số: 350 ; Tờ bản đồ số: 100, phường Tam Bình, Tp.Hồ Chí Minh.
3.1.2. Địa chỉ tại: Phường Tam Bình, Tp. Thủ Đức, (nay là phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).
Vị trí thửa đất: vị trí 1, các tuyến đường khu dân cư Tam Bình (trộn đường).

3.1.3. Giá đất

- Giá đất theo bảng giá: theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giá đất cụ thể: m²

- Giá trúng đấu giá: m²

- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

3.1.4. Diện tích thửa đất: 10.856,8 m²

- Diện tích sử dụng chung: 10.856,8 m²

- Diện tích sử dụng riêng: m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.1.6. Mục đích sử dụng đất:

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

- Gia hạn năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:/...../.....

3.1.9. Hình thức sử dụng đất:

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT75044 ngày 31 tháng 7 năm 2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất:

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: Căn hộ số 17.14, Tầng 18, Khối B; cấp hạng nhà ở, công trình:

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: 47,6m² /diện tích sử dụng: 45,6m².

3.2.4. Diện tích sở hữu chung: Diện tích sàn xây dựng 47,6m² /diện tích sử dụng: 45,6m².

3.2.5. Số tầng: 25 tầng + hầm + sân thượng.

Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT

3.2.6. Nguồn gốc:

3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: năm 2020.

3.2.8. Thời hạn sở hữu đến:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Hợp đồng mua bán căn hộ; Văn bản khai nhận di sản.
- Biên bản bàn giao nhà.
- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để đăng tin);
- Bà Lê Thị Năng;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 14236/2025 *ng*



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thành Phương

